

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp học bổng khuyến khích học tập cho sinh viên ĐH chính quy
học kỳ I (2018-2019)

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

Căn cứ Nghị định số 31/CP ngày 04/4/1994 của chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư 08/2014/TT-BGD&ĐT ngày 20/3/2014 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 2424/QĐ-ĐHTN ngày 22/10/2015 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Đại học Thái Nguyên, các cơ sở giáo dục đại học thành viên và đơn vị trực thuộc;

Căn cứ Thông tư số 10/2016/TT-BGDĐT ngày 05/4/2016 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế công tác sinh viên đối với chương trình đào tạo đại học hệ chính quy;

Căn cứ Quyết định số 214/QĐ-ĐHKTCN ngày 13/12/2018 về việc ban hành Quy định về học bổng khuyến khích học tập ĐHCQ năm học 2018-2019;

Căn cứ biên bản số: /BB-ĐHKTCN xét HBKK học kỳ I năm học 2018-2019 của Hội đồng xét học bổng khuyến khích học tập ngày 08/5/2019;

Theo đề nghị của ông Trưởng phòng Công tác học sinh sinh viên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp học bổng khuyến khích học tập cho **463** sinh viên học kỳ I năm học 2018-2019 hệ đại học chính quy (có danh sách kèm theo), cụ thể:

- Loại xuất sắc:	18 sv x 1.200.000 đ/tháng x 5 tháng	= 108.000.000 đ
- Loại Giỏi:	72 sv x 800.000 đ/tháng x 5 tháng	= 288.000.000 đ
- Loại Khá:	133 sv x 400.000 đ/tháng x 5 tháng	= 266.000.000 đ
- Loại Khuyến khích:	240 sv x 200.000 đ/tháng x 5 tháng	= 240.000.000 đ
Tổng cộng		<u>902.000.000 đ</u>

Bằng chữ: Chín trăm lẻ hai triệu đồng chẵn./.

Điều 2. Kinh phí từ các nguồn thu hợp pháp của nhà trường.

Điều 3. Trưởng phòng CT HSSV, trưởng phòng Kế hoạch – Tài chính; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và các sinh viên có tên trong danh sách trên chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./

Nơi nhận:

- Như điều 3;

- Lưu: CT, CT HSSV.



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP

HỌC KỲ 1 (2018-2019)

(Kèm theo QĐ số: 86 /QĐ-ĐHKTCN ngày 21 tháng 5 năm 2019)



STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Lớp	TCD	DTB	ĐRL	NN	Mức HB
1	K145520201027	Nguyễn Trung	Hiếu	K50HTĐ.01	13	3.23	80	440	Giỏi
2	K165520201177	Dương Thanh	Quyên	K52KTĐ.02	22	3.45	86	473	Giỏi
3	K165520201198	Lương Thị	Xuân	K52KTĐ.02	22	3.27	86	443	Giỏi
4	K165520201152	Hoàng Thị	Hạnh	K52KTĐ.01	22	3.82	90	443	Giỏi
5	K165520201166	Vũ Thị	Linh	K52KTĐ.01	22	3.36	90	440	Giỏi
6	K165520216004	Nguyễn Thị Vân	Anh	K52TĐH.01	20	3.65	91	447	Giỏi
7	K155520216058	Nguyễn Thị Thùy	Trang	K51TĐH.01	15	3.47	91	450	Giỏi
8	K165520216196	Nguyễn Thị	Hiên	K52TĐH.04	20	3.3	93	457	Giỏi
9	K155520216111	Hoàng Thị	Quỳnh	K51TĐH.02	15	3.33	94	457	Giỏi
10	K175520201163	Phan Thị Tiên	Hà	K53KTĐ.03	21	3.33	95		Giỏi
11	K145520201039	Nguyễn Thùy	Linh	K50HTĐ.01	13	3.54	96	457	Giỏi
12	K145520201076	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	K50HTĐ.01	13	3.38	96	467	Giỏi
13	K165520201039	Dương Văn	Nam	K52KTĐ.02	21	3.38	98	443	Giỏi
14	K165520216120	Nguyễn Thị Mai	Anh	K52TĐH.03	24	3.42	99	487	Giỏi
15	K175520216103	Đoàn Hồng	Quyên	K53TĐH.02	20	2.9	72		Khá
16	K145520216263	Ngô Ngọc	Thùy	K50TĐH.01	12	2.83	74	433	Khá
17	K155520216232	Nguyễn Thị	Lụa	K51TĐH.04	12	2.92	75	453	Khá
18	K175520201079	Nguyễn Thành	Chung	K53KTĐ.02	20	3.05	77		Khá
19	K165520201160	Nguyễn Thị	Hương	K52KTĐ.01	20	2.95	77	450	Khá
20	K175520216218	Đào Thị Hồng	Nhung	K53TĐH.04	20	3	80		Khá
21	K155520201106	Hà Văn	Thành	K51KTĐ.01	16	2.81	80	470	Khá
22	K155520216099	Nguyễn Văn	Linh	K51TĐH.02	15	2.87	80	463	Khá
23	K175520201095	Bùi Thị	Hiên	K53KTĐ.02	22	2.86	81		Khá
24	K175520216238	Nguyễn Văn	Tuyến	K53TĐH.04	20	3.1	81		Khá
25	K175520201173	Nguyễn Văn	Hoàng	K53TBĐ.01	19	3.11	81		Khá
26	K175520201065	Dương Văn	Tú	K53TBĐ.01	22	3.32	82		Khá
27	K175520216022	Vũ Thị Lan	Hương	K53TĐH.01	20	2.9	82	487	Khá
28	K155520216287	Lê Văn	Long	K51TĐH.03	12	2.83	82	450	Khá
29	K155520201204	Trần Mạnh	Hùng	K51KTĐ.02	10	3	82	470	Khá
30	K175520216230	Dương Thị	Thúy	K53TĐH.04	23	3.09	83		Khá
31	K155520216165	Phan Thị	Linh	K51TĐH.03	16	3	84	443	Khá
32	K155520201047	Nguyễn Đức	Thiện	K51KTĐ.01	16	3.06	85	473	Khá
33	K155520201118	Dương Anh	Tuấn	K51KTĐ.01	10	3	85	467	Khá
34	K145520201024	Phạm Thái	Hạnh	K50HTĐ.01	13	3.23	86	433	Khá
35	K145520216227	Hoàng Thị Ngọc	ánh	K50HTĐ.01	13	3.38	87	433	Khá
36	K155520216149	Đào Sỹ	Dương	K51TĐH.03	18	2.83	88	473	Khá
37	K155520201078	Đặng Thị	Hiên	K51KTĐ.01	13	3.08	89	463	Khá
38	K165520201100	Đào Thị Kim	Liên	K52KTĐ.02	21	2.95	90	430	Khá
39	K155520201075	Nguyễn Thị	Duyên	K51KTĐ.01	16	3.19	90	473	Khá
40	K165520201186	Nguyễn Thị	Thúy	K52KTĐ.02	20	3.4	91	433	Khá
41	K155520201085	Trịnh Thanh	Hùng	K51KTĐ.01	13	3.31	91	433	Khá
42	K145520201183	Phạm Thị Ngân	Hà	K50HTĐ.01	13	3	92	447	Khá
43	K165520216177	Lâm Bùi Minh	Anh	K52TĐH.04	20	3.4	93	437	Khá
44	K165520201122	Hoàng Thị Thu	Trang	K52KTĐ.02	19	3.32	93	433	Khá
45	K175520216088	Nguyễn Thị	Lan	K53TĐH.02	19	2.89	93		Khá
46	K155520216267	Hoàng Văn	Bách	K51TĐH.01	15	3.07	93	477	Khá
47	K155520216002	Hoàng Thị	Anh	K51TĐH.01	15	2.87	93	447	Khá

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Lớp	TCĐ	DTB	ĐRL	NN	Mức HB
48	K175520216020	Nguyễn Quang	Hợp	K53TĐH.01	20	2.9	94		Khá
49	K155520201087	Ngô Văn	Huy	K51HTĐ.01	16	3.13	70	410	K. khích
50	K165520216234	Thân Đức	Việt	K52TĐH.04	20	2.85	70		K. khích
51	K155520201169	Nguyễn Thị	Thu	K51HTĐ.01	15	2.87	72		K. khích
52	K155520216239	Tạ Văn	Nhất	K51TĐH.04	15	2.8	72		K. khích
53	K145520201190	Đỗ Đức	Hiếu	K50KTĐ.01	12	2.83	72		K. khích
54	K155520216018	Nguyễn Đức	Giang	K51TĐH.01	18	3.17	73		K. khích
55	K155520201163	Nguyễn Hồng	Sơn	K51HTĐ.01	16	2.81	73		K. khích
56	K155520201060	Nguyễn Trọng	Tuyên	K51HTĐ.01	16	3.06	74		K. khích
57	K155520201145	Lê Văn	Hung	K51HTĐ.01	14	3	74		K. khích
58	K155520201153	Dương Thanh	Minh	K51HTĐ.01	13	3	74		K. khích
59	K145520216242	Nguyễn Khánh	Hòa	K50TĐH.01	12	4	74		K. khích
60	K165520216182	Trần Xuân	Bảo	K52TĐH.04	15	3.07	75		K. khích
61	K155520201113	Nguyễn Văn	Triều	K51KTĐ.01	15	2.87	75		K. khích
62	K145520216126	Dương Minh	Thảo	K50TĐH.02	12	3.42	75		K. khích
63	K155520216229	Đào Tùng	Lâm	K51TĐH.04	14	2.86	75		K. khích
64	K155520201049	Nguyễn Đăng	Thức	K51KTĐ.01	13	3	75		K. khích
65	K165520216072	Phan Văn	Duy	K52TĐH.02	20	2.9	77		K. khích
66	K155510601005	Ma Thị	Hằng	K51TĐH.04	19	2.89	77		K. khích
67	K145520201116	Nguyễn Trung	Kiên	K50HTĐ.01	13	3	77		K. khích
68	K165520216191	Nguyễn Văn	Đạt	K52TĐH.04	20	3	78		K. khích
69	K165520216070	Nguyễn Tiến	Dũng	K52TĐH.02	19	2.84	78		K. khích
70	K165520201197	Lê Văn	Vũ	K52KTĐ.02	19	2.84	79		K. khích
71	K155520201116	Nguyễn Xuân	Trường	K51HTĐ.01	19	3.21	80		K. khích
72	K165520201180	Đặng Văn	Tân	K52KTĐ.02	21	2.9	80		K. khích
73	K155520216157	Đồng Minh	Hội	K51TĐH.03	19	3.05	80		K. khích
74	K145520201113	Lê Văn	Huân	K50HTĐ.01	16	3.13	80	427	K. khích
75	K155520216304	Hồ Thị	Huệ	K51TĐH.02	16	3	80		K. khích
76	K145520201184	Nguyễn Thu	Hà	K50HTĐ.01	16	3	80	400	K. khích
77	K155520201111	Nguyễn Thị	Toan	K51KTĐ.01	16	2.88	80	417	K. khích
78	K155520201125	Đỗ Bảo	Châu	K51KTĐ.02	14	3.14	80		K. khích
79	K155520201076	Lý Thị Phương	Hà	K51HTĐ.01	15	2.8	80		K. khích
80	K145520201013	Hoàng Văn	Chung	K50HTĐ.01	13	3.23	80	403	K. khích
81	K145520201177	Ngô Việt	Dương	K50HTĐ.01	13	3	80		K. khích
82	K165520201183	Nguyễn Thị	Thảo	K52KTĐ.02	20	3.35	81		K. khích
83	K165520201083	Đàm Thị	Giang	K52KTĐ.02	21	3.19	81		K. khích
84	K175520201212	Hoàng Xuân	Tùng	K53TĐH.01	19	3.05	81		K. khích
85	K165520201099	Nguyễn Thành	Lâm	K52KTĐ.02	19	3	81		K. khích
86	K145520201099	Ngô Văn	Giáp	K50HTĐ.01	13	3.23	81	417	K. khích
87	K165520201012	Nguyễn Mậu	Đạo	K52KTĐ.01	21	3	82		K. khích
88	K155520201146	Hoàng Văn	Hữu	K51HTĐ.01	16	3.44	82		K. khích
89	K145520201037	Ngô Thị	Lanh	K50HTĐ.01	13	3.15	82		K. khích
90	K165520216080	Vũ Thị	Hiền	K52TĐH.02	20	3.1	83		K. khích
91	K165520216216	Phạm Xuân	Phú	K52TĐH.04	20	2.9	83		K. khích
92	K165520216151	Nguyễn Hải	Long	K52TĐH.03	20	2.85	83		K. khích
93	K145520201093	La Đức	Cường	K50HTĐ.01	13	3.23	83		K. khích
94	K155520216276	Ngô Hồng	Dung	K51TĐH.02	11	3.55	83	423	K. khích
95	K165520201058	Lưu Minh	Tú	K52KTĐ.01	19	3.32	84		K. khích
96	K155520201166	Ma Xuân	Thành	K51HTĐ.01	16	3.44	84		K. khích
97	K165520216224	Bùi Kim	Thị	K52TĐH.04	18	2.94	84		K. khích
98	K155520201232	Nguyễn Thu	Trang	K51HTĐ.01	13	3.54	84		K. khích
99	K155520201123	Phùng Thế	Anh	K51HTĐ.01	24	2.96	85		K. khích
100	K155520216214	Lâm Bá	Dũng	K51TĐH.04	25	2.8	85		K. khích



STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Lớp	TCĐ	DTB	ĐRL	NN	Mức HB
101	K165520216116	Nguyễn Mạnh	Tùng	K52TĐH.02	20	3.35	85		K. khích
102	K155520216007	Lưu Đức	Cường	K51TĐH.01	22	3	85		K. khích
103	K165520201064	Lưu Thị	Tuyến	K52KTĐ.01	21	2.81	85		K. khích
104	K145520216095	Phạm Văn	Hòa	K50TĐH.02	12	4	75		K. khích
105	K155520216273	Lường Thị	Định	K51TĐH.01	17	2.82	85	403	K. khích
106	K165520201107	Ngọc Thị	Nụ	K52KTĐ.02	19	3.37	86		K. khích
107	K165520216254	Trần Thị Thúy	An	K52TĐH.01	22	2.82	86		K. khích
108	K155520201025	Trần Duy	Hung	K51KTĐ.01	16	3.25	86		K. khích
109	K145520201187	Giáp Mỹ	Hạnh	K50HTĐ.01	13	3.38	86	350	K. khích
110	K165520201192	Vũ Văn	Tuấn	K52KTĐ.02	19	2.95	87		K. khích
111	K165520201154	Hoàng Trung	Hiếu	K52KTĐ.01	19	2.89	87		K. khích
112	K145520201181	Đặng Thị Hà	Giang	K50HTĐ.01	13	3.08	87	400	K. khích
113	K165520216129	Đặng Trung	Dũng	K52TĐH.03	20	3.3	88		K. khích
114	K165520216124	Nguyễn Thị	Bằng	K52TĐH.03	20	2.8	88		K. khích
115	K165520201124	Hoàng Văn	Tú	K52KTĐ.02	19	3.26	89		K. khích
116	K145520216034	Trần Đức	Long	K50TĐH.01	14	3.86	69		K. khích
117	K155520201098	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	K51KTĐ.01	13	3.08	89		K. khích
118	K165520216035	Lê út	Ly	K52TĐH.01	20	3.45	90		K. khích
119	K165520216235	Nguyễn Thế	Đạt	K52TĐH.01	20	3.15	90		K. khích
120	K165520216086	Nguyễn Thị Thu	Hương	K52TĐH.02	22	2.86	90		K. khích
121	K165520216230	Vũ Ngọc	Tuấn	K52TĐH.04	20	2.9	90	413	K. khích
122	K155520201197	Lê Thị Hồng	Hạnh	K51HTĐ.01	16	3	90	400	K. khích
123	K155520216204	Nguyễn Thùy	Bích	K51TĐH.04	16	2.94	90		K. khích
124	K165520216058	Dương Thị Thanh	Vân	K52TĐH.01	22	3.68	91		K. khích
125	K175520216267	Phạm An	Khang	K53TĐH.04	19	3.47	91		Khá
126	K165520216011	Mai Thị Mỹ	Dinh	K52TĐH.01	19	3.26	91		K. khích
127	K155520201092	Trần Thị	Mai	K51KTĐ.01	15	3.6	91		K. khích
128	K165520216114	Nguyễn Hà	Tuấn	K52TĐH.02	22	3.36	92		K. khích
129	K165520216132	Nguyễn Ngọc	Đạt	K52TĐH.03	20	3.35	92		K. khích
130	K165520216083	Đào Văn	Hoàng	K52TĐH.02	22	2.86	92		K. khích
131	K155520216023	Trần Trọng	Hiếu	K51TĐH.01	14	3.36	92		K. khích
132	K165520216077	Trần Thị Thu	Hà	K52TĐH.02	20	3.25	93		K. khích
133	K165520216173	Nguyễn Anh	Tuấn	K52TĐH.03	17	3.53	93		K. khích
134	K155520216056	Nguyễn Thị	Thùy	K51TĐH.01	12	3	93		K. khích
135	K165520216030	Dương Thị Thanh	Huyền	K52TĐH.01	22	3.41	94	387	K. khích
136	K165520216159	Nguyễn Thị Như	Phương	K52TĐH.03	20	3.65	94		K. khích
137	K165520216161	Bạch Thị	Quỳnh	K52TĐH.03	21	3.43	94		K. khích
138	K165520216225	Dương Ngọc	Thúy	K52TĐH.04	20	3.35	94	397	K. khích
139	K165520216226	Chu Thị	Thủy	K52TĐH.04	20	3.35	94		K. khích
140	K165520201191	Dương Thế	Tư	K52TĐH.02	20	3.3	94		K. khích
141	K155520201175	Nguyễn Hữu	Trường	K51HTĐ.01	22	2.91	94		K. khích
142	K165520216158	Nguyễn Hà	Phòng	K52TĐH.03	21	3.81	97		K. khích
143	K165520216044	Lão Văn	Sơn	K52TĐH.01	20	3.4	98		K. khích
144	K175520216009	Trần Thị	Dung	K53TĐH.01	20	3.05	98	HBTP	K. khích
145	K165520216025	Vũ Văn	Học	K52TĐH.01	20	3.4	100		K. khích
146	K145520201163	Lăng Quang	Vũ	K50KTĐ.02	12	4	70		K. khích
147	K145520201170	Lê Xuân	An	K50KTĐ.02	12	4	94		K. khích
148	K165520201082	Lê Văn	Đức	K52KTĐ.02	21	3.81	94	477	Xuất sắc
149	K155520201109	Nguyễn Mai	Thời	K51KTĐ.01	13	3.77	95	463	Xuất sắc
150	K145520201233	Lý Thị	Thái	K50HTĐ.01	13	4	96	453	Xuất sắc
151	K165520201084	Nguyễn Thu	Hà	K52KTĐ.02	21	3.76	99	450	Xuất sắc
152	K185520216267	Ngô Văn	Quân	K54ĐKT.05	18	3.44	82		Giỏi
153	K185520216348	Đổng Thị	Chinh	K54ĐKT.07	18	3.39	82		Giỏi

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Lớp	TCĐ	DTB	ĐRL	NN	Mức HB
154	K185520216157	Nguyễn Phú	Thái	K54ĐKT.03	18	3.44	84		Giỏi
155	K185520216198	Đàm Hải	Long	K54ĐKT.04	18	3.44	85		Giỏi
156	K185520216306	Tô Việt	Hoàng	K54ĐKT.03	18	3.50	86		Giỏi
157	K185520216424	Phạm Long	Vũ	K54ĐKT.01	18	3.44	86		Giỏi
158	K185520216099	Lê Văn	Song	K54ĐKT.02	18	3.44	86		Giỏi
159	K185520216010	Dương Minh	Đức	K54ĐKT.01	18	3.33	88		Giỏi
160	K185520216107	Nguyễn Hoàng	Trung	K54ĐKT.02	18	3.56	90		Giỏi
161	K185520216160	Hoàng Văn	Thiện	K54ĐKT.03	18	3.50	90		Giỏi
162	K185520201155	Vũ Minh	Tiến	K54ĐĐT.03	20	3.20	91		Giỏi
163	K185520216188	Vũ Xuân	Hòa	K54ĐKT.04	18	3.44	91		Giỏi
164	K185520216226	Đinh Thị ánh	Tuyết	K54ĐKT.04	18	3.44	92		Giỏi
165	K185520216082	Dương Văn	Khánh	K54ĐKT.02	18	3.56	93,5		Giỏi
166	K185520216313	Hoàng Thị	Kim	K54ĐKT.06	18	3.44	94		Giỏi
167	K185520216305	Nông Thị	Hoài	K54ĐKT.06	18	3.44	98		Giỏi
168	K185520216164	Chu Đức	Trung	K54ĐKT.03	18	3.33	89		Giỏi
169	K185520201061	Lê Minh	Tiến	K54ĐĐT.02	20	3.05	72		Khá
170	K185520201021	Nguyễn Thế	Minh	K54ĐĐT.01	20	3.15	80		Khá
171	K185520216175	Nguyễn Công	Buru	K54ĐKT.04	18	3.44	92,5	HBTP	Khá
172	K185520201174	Phạm Thị	Châm	K54ĐĐT.02	20	3.05	84		Khá
173	K185520201135	Ngo Nhật	Ly	K54ĐĐT.02	20	3.00	85		Khá
174	K185520201083	Nguyễn Thị Kiều	Loan	K54ĐĐT.03	20	3.00	90		Khá
175	K185520216124	Trần Văn	Đức	K54ĐKT.03	18	3.67	90		Xuất sắc
176	K185520201055	Bùi Minh	Nhật	K54ĐĐT.02	20	3.70	91		Xuất sắc
177	K185520216161	Đặng Đình	Thông	K54ĐKT.03	18	3.89	91		Xuất sắc
178	K185520216259	Nguyễn Thị	Mai	K54ĐKT.05	18	3.67	91		Xuất sắc
179	K145520207154	Lê Thị	Hòa	K50ĐVT.01	17	3.47	81	443	Giỏi
180	K165520114111	Nguyễn Đình	Lĩnh	K52CĐT.02	23	3.26	92	473	Giỏi
181	K165520114002	Lưu Hoàng	Anh	K52CĐT.01	20	3.25	92	560	Giỏi
182	K165520114099	Ngô Trọng	Hoàn	K52CĐT.02	23	3.39	95	463	Giỏi
183	K165520216040	Nguyễn Thị	Oanh	K52ĐĐK.01	20	3.3	95,5	483	Giỏi
184	K165520114141	Nguyễn Văn	Tư	K52CĐT.02	20	3.55	96	447	Giỏi
185	K145520207086	Nguyễn Thị	Tâm	K50ĐVT.01	17	3.53	96	450	Giỏi
186	K155520114025	Nguyễn Thu	Huyền	K51CĐT.01	24	3.46	98	447	Giỏi
187	K155520114119	Lưu Thị	Thắng	K51CĐT.02	17	3.24	99,5	470	Giỏi
188	K145520216175	Trần Hoài	Phương	K50ĐĐK.01	14	3.86	73	460	Khá
189	K165520114095	Nguyễn Trung	Hiếu	K52CĐT.02	24	2.96	74,5	453	Khá
190	K155520114017	Phạm Văn	Hiệu	K51CĐT.01	23	2.96	77	457	Khá
191	K175520114217	Long Thị	Nghĩa	K53CĐT.01	21	2.95	77		Khá
192	K155520114067	Trần Đức	Viên	K51CĐT.01	22	2.86	78	440	Khá
193	K175520114185	Phạm Văn	Thi	K53CĐT.03	21	2.86	78		Khá
194	K175520114022	Nguyễn Anh	Hùng	K53CĐT.01	21	2.81	78		Khá
195	K145520207025	Lê Khánh	Ly	K50ĐVT.01	17	2.94	78	437	Khá
196	K175520114101	Dương Hải	Nam	K53CĐT.02	21	2.81	81		Khá
197	K155520207128	Trần Văn	Hóa	K51KĐT.01	19	3.16	83	460	Khá
198	K155520114101	Lưu Văn	Lợi	K51CĐT.02	21	3.05	86	477	Khá
199	K175520114112	Trương Ngọc	Sơn	K53CĐT.02	21	3	87,5		Khá
200	K155520114097	Nguyễn Thị	Kim	K51CĐT.02	23	3.04	88,5	450	Khá
201	K175520114018	Lê Huy	Hoàng	K53CĐT.01	21	3.1	88,5		Khá
202	K175520216081	Nguyễn Thị	Huế	K53ĐĐK.01	20	3.2	89		Khá
203	K175520114033	Phan Công	Minh	K53CĐT.01	21	2.95	89		Khá
204	K155520114087	Nguyễn Huy	Hoàng	K51CĐT.02	21	2.86	89	460	Khá
205	K155520114109	Lê Văn	Quang	K51CĐT.02	19	3.16	89	443	Khá
206	K175520114067	Nguyễn Hoàng	Việt	K53CĐT.01	21	3.38	90,5		Khá

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Lớp	TCĐ	DTB	ĐRL	NN	Mức HB
207	K155520114074	Phạm Văn	Cường	K51CĐT.02	26	3.23	92	437	Khá
208	K145520207047	Nguyễn Thị	Thu	K50ĐVT.01	17	3.06	92,5	463	Khá
209	K175520114077	Nguyễn Thị	Doan	K53CĐT.02	23	3.09	93		Khá
210	K155520207077	Dương Thị	Hiền	K51KĐT.01	21	3.14	93,5	440	Khá
211	K165520114123	Võ Thị ánh	Quỳnh	K52CĐT.02	23	3.13	95	453	Khá
212	K155520216187	Vũ Đình	Thông	K51ĐĐK.01	24	2.88	95	470	Khá
213	K175520207032	Nguyễn Thị	Uyên	K53KĐT.01	19	3.37	95		Khá
214	K175520207026	Hoàng Thị	Thùy	K53ĐVT.01	19	3.26	96		Khá
215	K175520114105	Bằng Văn	Phong	K53CĐT.02	23	3.52	97		Khá
216	K155520114011	Trần Văn	Đức	K51CĐT.01	25	3.08	70		K.Khích
217	K175520114013	Nguyễn Đại	Dương	K53CĐT.01	21	3.05	72		K.Khích
218	K155520216128	Hoàng Ngọc	Tuấn	K51ĐĐK.01	21	2.81	72		K.Khích
219	K145520114087	Lê Thế	Hiệp	K50CĐT.02	20	3.1	75		K.Khích
220	K155520114056	Hà Văn	Trọng	K51CĐT.01	19	3.26	75		K.Khích
221	K165520114028	Đình Quốc	Hung	K52CĐT.01	20	2.85	75		K.Khích
222	K155520114064	Lê Thanh	Tùng	K51CĐT.01	17	3.06	75		K.Khích
223	K145520207091	Vũ Xuân	Tuấn	K50ĐVT.01	17	3.71	76		K.Khích
224	K155520114023	Lưu Văn	Huy	K51CĐT.01	22	2.86	76		K.Khích
225	K155520216030	Nguyễn Văn	Kiên	K51ĐĐK.01	23	3.09	77	373	K.Khích
226	K155520216301	Nguyễn Phúc	Vinh	K51ĐĐK.01	24	2.83	77		K.Khích
227	K155520216140	Ngô Việt	Cường	K51ĐĐK.01	22	2.86	77		K.Khích
228	K155520216108	Hà Thị Hồng	Nhung	K51ĐĐK.01	21	2.95	77		K.Khích
229	K155520114024	Trần Quang	Huy	K51CĐT.01	20	3	77		K.Khích
230	K155520216202	Trần Thị Phương	Anh	K51ĐĐK.01	20	2.85	78		K.Khích
231	K145520207141	Đoàn Ngọc	Anh	K50ĐVT.01	17	3.12	79		K.Khích
232	K155520216048	Đoàn Thành	Tâm	K51ĐĐK.01	23	3.48	80	403	K.Khích
233	K145520114053	Nguyễn Văn	Túc	K50CĐT.01	23	2.91	80		K.Khích
234	K155520114026	Dương Văn	Khanh	K51CĐT.01	23	2.91	80		K.Khích
235	K155520207052	Hà Tiến	Trường	K51KĐT.01	19	2.89	80		K.Khích
236	K145520216219	Nguyễn Văn	Tiến	K50ĐĐK.01	14	3.86	80		K.Khích
237	K165520207031	Hoàng Thị Lệ	Thủy	K52KĐT.01	19	2.84	80		K.Khích
238	K145520207168	Nguyễn Đình	Quang	K50ĐVT.01	17	3	80		K.Khích
239	K155520216205	Hà Việt	Cường	K51ĐĐK.01	23	2.87	80,5		K.Khích
240	K165520207006	Minh	Cường	K52KĐT.01	20	2.8	82		K.Khích
241	K145520207036	Hoàng Văn	Tiến	K50ĐVT.01	17	3.18	83		K.Khích
242	K145520207072	Lưu Quang	Huy	K50ĐVT.01	17	3	83	510	Khá
243	K165520114068	Nguyễn Văn	Tuấn	K52CĐT.01	23	3.39	84		K.Khích
244	K165520207044	Nguyễn Thùy	Trang	K52KĐT.01	20	2.95	84		K.Khích
245	K155520214012	Phạm Thị	Yến	K51KMT.01	21	3.81	85	423	K.Khích
246	K155520114078	Lưu Phương	Đông	K51CĐT.02	25	3.16	85	370	K.Khích
247	K165520207021	Hoàng Thị Kim	Oanh	K52KĐT.01	22	2.91	85		K.Khích
248	K155520216246	Phạm Đức	Tài	K51ĐĐK.01	20	3.15	85,5		K.Khích
249	K175520207036	Nguyễn Thị	Phương	K53KĐT.01	19	3.05	85,5		K.Khích
250	K155520114126	Nguyễn Quang	Trường	K51CĐT.02	22	3.18	86		K.Khích
251	K155520114081	Phạm Tiến	Dũng	K51CĐT.02	22	3.05	86		K.Khích
252	K155520114127	Trần Văn	Trường	K51CĐT.02	21	3.14	86		K.Khích
253	K155520114086	Lý Văn	Hòa	K51CĐT.02	22	2.82	86		K.Khích
254	K155520114132	Lê Nguyễn	Tùng	K51CĐT.02	21	2.86	86		K.Khích
255	K145520207035	Đặng Văn	Tùng	K50ĐVT.01	17	3.29	86		K.Khích
256	K145520207033	Dương Thị Minh	Tâm	K50KĐT.01	13	4	86	420	K.Khích
257	K165520114117	Nguyễn Văn	Nhân	K52CĐT.02	22	3.27	87	480	Giỏi
258	K175520114205	Nguyễn Trung	Kiên	K53CĐT.01	21	3.19	87,5		K.Khích
259	K145520207007	Lê Đức	Duy	K50ĐVT.01	17	3.41	88	505	Giỏi

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Lớp	TCĐ	DTB	ĐRL	NN	Mức HB
260	K165520114032	Vũ Quốc	Khánh	K52CĐT.01	24	3.17	89		K.Khích
261	K155520114116	Hồ Văn	Tâm	K51CĐT.02	20	3.15	89		K.Khích
262	K155520216098	Vi Văn	Lâm	K51ĐĐK.01	18	3.06	89		K.Khích
263	K145520207073	Quảng Văn	Kháng	K50ĐVT.01	17	3.24	90		K.Khích
264	K145520216065	Trần Đức	Trung	K50ĐĐK.01	14	3.86	90		K.Khích
265	K155520114096	Ngô Trung	Kiên	K51CĐT.02	24	3.17	91		K.Khích
266	K175520216142	Lưu Tuyết	Hương	K53ĐĐK.01	22	3	91		K.Khích
267	K165520114075	Nguyễn Văn	Vượng	K52CĐT.01	23	3.48	92		K.Khích
268	K165520216008	Lưu Thị	Bình	K52ĐĐK.01	19	3.32	93		K.Khích
269	K165520114049	Nguyễn Tiến	Sang	K52CĐT.01	20	3.3	94		K.Khích
270	K165520114063	Nguyễn Văn	Toản	K52CĐT.01	20	3.2	94		K.Khích
271	K155520114020	Dương Bá	Hùng	K51CĐT.01	17	3.35	94		K.Khích
272	K155520214007	Vương Trung	Kiên	K51KMT.01	21	3	94,5		K.Khích
273	K165520114223	Trần Minh	Vũ	K52CĐT.03	23	3.74	95	420	K.Khích
274	K165520114134	Lâm Văn	Thiện	K52CĐT.02	24	3.33	95		K.Khích
275	K155520207053	Mai Ngọc	Tú	K51KĐT.01	21	3.29	95		K.Khích
276	K165520114017	Hoàng Xuân	Đức	K52CĐT.01	23	2.96	95		K.Khích
277	K155520214011	Nguyễn Đình	Thi	K51KMT.01	21	3.1	95		K.Khích
278	K175520114206	Vũ Văn	Sỹ	K53CĐT.01	21	3.05	95,5		K.Khích
279	K165520114115	Nguyễn Phương	Nam	K52CĐT.02	20	3.7	97		K.Khích
280	K175520207035	Nguyễn Thị	Xoan	K53KĐT.01	19	3.11	97		K.Khích
281	K165520214003	Trần Bá	Được	K52KMT.01	18	2.83	98		K.Khích
282	K155520207031	Vũ Hoàng	Long	K51KĐT.01	20	3.05	99		K.Khích
283	K145520216197	Trương Thị Thanh	Trà	K50ĐĐK.01	14	3.86	94,5	457	Xuất sắc
284	K145520216222	Trịnh Thị Minh	Thảo	K50ĐĐK.01	14	3.71	95	453	Xuất sắc
285	K165520114137	Vũ Văn	Tiến	K52CĐT.02	23	3.65	98	487	Xuất sắc
286	K145520216107	Đỗ Thị	Nguyệt	K50ĐĐK.01	12	4	98,5	467	Xuất sắc
287	K145520216153	Nguyễn Thị	Hạnh	K50ĐĐK.01	12	4	98,5	463	Xuất sắc
288	K175510604006	Nguyễn Thị	Ngọc	K53KTN.01	21	3.29	91		Giỏi
289	K175510601002	Dương Thị	Hoa	K53QLC.01	21	3.19	82		Khá
290	K175510601009	Triệu Phương	Thúy	K53QLC.01	21	3.33	84	HBTP	Khá
291	K175510604005	Hoàng Thị	Ngọc	K53KTN.01	21	3.10	85		Khá
292	K175510604013	Ma Thị Hạ	Mai	K53KTN.01	21	3.24	86	HBTP	Khá
293	K175510601005	Dương Thị	Lan	K53QLC.01	21	3.00	92		Khá
294	K175510601007	Dương Thị	Thêu	K53QLC.01	21	3.10	95		Khá
295	K155510604018	Ngô Thị Kim	Loan	K51KTN.01	22	3.21	74	417	K.Khích
296	K155510604029	Đỗ Thị Thanh	Thủy	K51KTN.01	22	3.13	75	410	K.Khích
297	K155510604033	Đào Minh	Tuyết	K51KTN.01	19	3.31	88,5		K.Khích
298	K185510604009	Phạm Nhật	Linh	K54KTN.01	15	4.0	81	HBTP	Khá
299	K175510601004	Lưu Thị	Kim	K53QLC.01	21	3.14	94,5	HBTP	K.Khích
300	K185510205066	Nguyễn Văn	Tài	K54CN-KTO.02	21	3.00	70		Khá
301	K185510205038	Trần Duy	Mạnh	K54CN-KTO.01	21	3.00	71		Khá
302	K185510205073	Bùi Quang	ánh	K54CN-KTO.02	21	2.86	75		Khá
303	K185520116041	Lại Thế	Mạnh	K54CĐL.01	19	2.84	75		Khá
304	K185510205132	Phạm Thị	Loan	K54CN-KTO.03	21	2.95	82		Khá
305	K175510205046	Phạm Ngọc	Tiến	K53CN-KTO.01	12	3.00	75		K.Khích
306	K155510205033	Lê Đức	Long	K51CN-KTO.01	10	3.00	80		K.Khích
307	K165510205033	Đỗ Thành	Long	K52CN-KTO.01	18	3.17	84		K.Khích
308	K165510205029	Nguyễn Hữu	Khanh	K52CN-KTO.01	23	2.83	85		K.Khích
309	K165510205035	Mai Văn	Lực	K52CN-KTO.01	20	3.20	85		K.Khích
310	K165510205050	Phạm Văn	Quang	K52CN-KTO.01	13	3.23	85		K.Khích
311	K145520103048	Nguyễn Văn	Sâm	K50CĐL.01	11	2.82	85		K.Khích
312	K145520103068	Phạm Như	Thi	K50CĐL.01	11	3.09	85		K.Khích

STT	MSSV	Họ tên	Tên	Lớp	TCD	DTB	DRL	NN	Mức HB
313	K145520103329	Hồ Văn	Tiến	K50CĐL.01	13	4.00	85		K. khích
314	K155510205044	Bùi Hải	Son	K51CN- KTO.01	15	3.67	88		K. khích
315	K175510205020	Nguyễn Công	Hồng	K53CN-KTO.01	15	2.80	88		K. khích
316	K155510205045	Phùng Hồng	Son	K51CN- KTO.01	5	3.20	90		K. khích
317	K165510205061	Phùng Đình Minh	Trí	K52CN-KTO.01	22	3.27	91		K. khích
318	K165510205015	Nguyễn Văn	Giang	K52CN-KTO.01	24	2.83	93		K. khích
319	K165510205045	Nguyễn Thiên	Pháp	K52CN-KTO.01	18	3.22	94		K. khích
320	K165510205059	Ngô Minh	Tiến	K52CN-KTO.01	22	2.95	97		K. khích
321	K185480106016	Lê Thúy	Ngà	K54KMT.01	19	3.37	86		Giỏi
322	K185480106009	Vương Thu	Hoài	K54KMT.01	19	3.37	89		Giỏi
323	K185480106010	Dương Văn	Huân	K54KMT.01	19	3.47	88		Giỏi
324	K185520207028	Lâm Thị	Ngân	K54ĐTT.01	16	3.19	86		Khá
325	K185520207027	Nguyễn Thành	Nam	K54ĐTT.01	16	2.81	86		Khá
326	K185520207029	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	K54ĐTT.01	16	3.69	89		Xuất sắc
327	K185520207044	Nguyễn Thị	Thu	K54ĐTT.01	16	3.63	89		Xuất sắc
328	K185520114139	Tạ Văn	Ngọc	K54CĐT.03	20	3.45	80		Giỏi
329	K185520114255	Dương Thị	Thảo	K54CĐT.04	20	3.55	89		Giỏi
330	K185520114242	Dương Quang	Minh	K54CĐT.02	20	3.30	91		Giỏi
331	K185520114244	Nguyễn Thị	Quỳnh	K54CĐT.02	20	3.20	93		Giỏi
332	K185520114087	Hứa Văn	Nhật	K54CĐT.02	20	3.25	94		Giỏi
333	K185520114031	Lê Công	Minh	K54CĐT.01	20	3.30	98		Giỏi
334	K185480106004	Trần Thị	Duyên	K54KMT.01	19	3.00	77		Khá
335	K185520114063	Nguyễn Trung	Định	K54CĐT.02	20	2.85	81		Khá
336	K185520114239	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	K54CĐT.02	20	2.80	81		Khá
337	K185520114033	Lâu A	Nhánh	K54CĐT.01	20	2.95	84		Khá
338	K185520114052	Vương Thị Hồng	Vân	K54CĐT.01	20	2.85	86		Khá
339	K185520114028	Đổng Ngọc	Long	K54CĐT.01	20	2.85	87		Khá
340	K185520114220	Hoàng Thị	Liên	K54CĐT.03	20	2.80	98		Khá
341	K185520114027	Ma Duy	Long	K54CĐT.01	20	2.85	99		Khá
342	K185220201002	Dương Thị	Hằng	K54NNA.01	14	2.86	81		Khá
343	K155510301034	Nguyễn Thị	Phương	K51CN-ĐĐT.01	12	3.67	90	443	Giỏi
344	K145510301043	Nguyễn Hoài	Nam	K52CN-ĐĐT.01	19	3.11	80	480	Khá
345	K185510301080	Trịnh Tiến	Tài	K54CN-ĐĐT.02	18	2.89	80		Khá
346	K185510301010	Phạm Minh	Hằng	K54CN-ĐĐT.01	18	2.83	82		Khá
347	K165510202015	Ngô Xuân	Mạnh	K52CN-CTM.01	16	2.94	76		K. khích
348	K165510301045	Nguyễn Khắc	Tuân	K52CN-ĐĐT.01	19	3.21	76		K. khích
349	K165510301032	Lê Bá	Quân	K52CN-ĐĐT.01	19	2.89	80		K. khích
350	K155510202018	Nguyễn Việt	Tuấn	K51CN-CTM.01	10	3.00	80		K. khích
351	K165510202012	Nguyễn Duy	Kiên	K52CN-CTM.01	13	2.92	81		K. khích
352	K165510202013	Nguyễn Văn	Linh	K52CN-CTM.01	16	2.94	82		K. khích
353	K155510202004	Trần Đình	Đức	K51CN-CTM.01	10	2.90	82		K. khích
354	K165510301040	Nguyễn Văn	Thức	K52CN-ĐĐT.01	23	2.91	85		K. khích
355	K165510301025	Nguyễn Thị	Linh	K52CN-ĐĐT.01	19	3.63	90		K. khích
356	K165510301044	Nguyễn Tiến	Trung	K52CN-ĐĐT.01	19	3.42	90		K. khích
357	K165510301034	Nguyễn Hương	Quỳnh	K52CN-ĐĐT.01	19	3.63	91		K. khích
358	K155510202015	Lê Ngọc	Toàn	K51CN-CTM.01	10	3.20	93		K. khích
359	K145520320006	Lương Thị	Anh	K50KTM.01	12	4.00	96	480	Xuất sắc
360	K145520320023	Hà Thị	Hạnh	K50KTM.01	12	4.00	91	467	Xuất sắc
361	K145520320048	Trần Thị	Minh	K50KTM.01	12	4.00	73	480	Khá
362	K145520320033	Dương Thị	Huế	K50KTM.01	12	4.00	70	460	Khá
363	K145520320036	Nguyễn Thị	Lâm	K50KTM.01	12	4.00	73	463	Khá
364	K145520320041	Lưu Thị	Lựu	K50KTM.01	12	4.00	75	453	Khá
365	K145520320039	Đặng Thị	Linh	K50KTM.01	12	4.00	71	453	Khá

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Lớp	TCD	DTB	ĐRL	NN	Mức HB
366	K145520320100	Hoàng Thị	Mai	K50KTM.01	12	4.00	87	457	Giỏi
367	K145520320094	Nguyễn Thị	Hằng	K50KTM.01	12	4.00	88	440	Giỏi
368	K175580201008	Hoàng Mai	Hương	K53KXC.01	24	2.92	85	447	Khá
369	K165580201011	Nguyễn Hồng	Minh	K52KXC.01	19	3.37	92	0	K. khích
370	K155520201031	Nguyễn Thị	Mai	K51CCM.01	21	3.67	98	447	Giỏi
371	K155520103298	Trịnh Bá	Hùng	K51CCM.04	19	3.58	92	447	Giỏi
372	K145520309015	Bùi Thị	Dung	K50CVL.01	12	4.00	89	480	Giỏi
373	K145520309042	Ngô Thị	Giang	K50CVL.01	12	4.00	86	457	Giỏi
374	K145520103373	Dương Văn	Sáng	K50CCM.05	13	3.31	85	440	Giỏi
375	K155520103083	Đỗ Ngọc	Diệp	K51CCM.02	14	3.36	85	470	Giỏi
376	K175520103050	Phạm Đình	Bắc	K53KC.02	24	3.23	83		Giỏi
377	K175520103046	Lưu Anh	Tuấn	K53KC.01	21	3.62	95	HBTP	Giỏi
378	K175520103199	Nguyễn Thanh	Bình	K53KC.02	22	3.64	92,5	HBTP	Giỏi
379	K185520103100	Nguyễn Văn	Hà	K54KC.03	20	3.50	87,5		Giỏi
380	K185520103077	Phạm Văn	Quý	K54KC.02	20	3.35	86		Giỏi
381	K185520103170	Trần Đức	Thao	K54KC.04	20	3.45	85		Giỏi
382	K155520103029	Nguyễn Thành	Hung	K51CCM.01	16	2.94	95	443	Khá
383	K155520103171	Nguyễn Xuân	Hung	K51CCM.03	19	3.11	87,5	463	Khá
384	K145520103352	Nguyễn Đình	Hoàng	K50CCM.05	12	3.42	76	500	Khá
385	K145520103285	Nguyễn Anh	Tú	K50CCM.04	10	3.70	72	430	Khá
386	K145520103063	Nguyễn Đăng	Tuyển	K50CCM.01	12	3.42	71	443	Khá
387	K175520103071	Nguyễn Thị	Linh	K53KC.02	19	3.37	99		Khá
388	K155520103053	Đỗ	Tâm	K51CCM.01	20	3.00	97	460	Khá
389	K175520103032	Hoàng Quang	Ninh	K53KC.01	22	3.50	92	HBTP	Khá
390	K145520103074	Nguyễn Tuấn	Việt	K50CCM.01	10	3.70	90	N4	Khá
391	K165520103282	Dương Khánh	Lâm	K52CCM.04	20	3.00	90	535TC	Khá
392	K185520103164	Đỗ Văn	Oai	K54KC.04	20	3.00	84		Khá
393	K175520103205	Trần Văn	Quang	K53KC.02	23	2.91	83		Khá
394	K175520103110	Giáp Minh	Hiếu	K53KC.03	21	3.19	83		Khá
395	K185520103141	Cáp Trọng	Đức	K54KC.04	16	2.88	82		Khá
396	K185520103106	Vũ Viết	Hung	K54KC.03	20	2.80	81		Khá
397	K185520103208	Dương Quang	Linh	K54KC.01	20	3.05	80		Khá
398	K185520103063	Hoàng Quốc	Khánh	K54KC.02	20	3.05	80		Khá
399	K185520103127	Nguyễn Ngọc	Thìn	K54KC.03	20	2.90	80		Khá
400	K145520309007	Lộc Văn	Quỳnh	K50CVL.01	12	4.00	78	433	Khá
401	K185520103115	Lưu Sỹ	Minh	K54KC.03	20	2.80	78		Khá
402	K185520103154	Nguyễn Trung	Kiên	K54KC.04	20	2.80	78		Khá
403	K145520103051	Đinh Văn	Sơn	K50CCM.01	12	4.00	75	440	Khá
404	K145520103067	Bùi Việt	Thanh	K50CCM.01	12	4.00	73	N4-11	Khá
405	K145520103056	Lê Anh	Tú	K50CCM.01	12	3.42	73	437	Khá
406	K145520103192	Nguyễn Trường	Nam	K50CCM.03	11	3.27	73	470	Khá
407	K145520103107	Nguyễn Văn	Lâm	K50CCM.02	15	2.87	72	450	Khá
408	K145520103234	Nguyễn Tiến	Anh	K50CCM.04	10	3.70	71	460	Khá
409	K145520103123	Ngô Văn	Quang	K50CCM.02	14	3.36	70	447	Khá
410	K145520309043	Thân Đức	Bình	K50CVL.01	12	4.00	70	440	Khá
411	K145520103121	Hoàng Minh	Phương	K50CCM.02	12	4.00	90	417	K. khích
412	K145520103204	Phùng Minh	Tâm	K50CCM.03	10	3.40	90	380	K. khích
413	K145520103140	Nguyễn Văn	Thư	K50CCM.02	12	3.58	89	413	K. khích
414	K145520103132	Trần Thanh	Tùng	K50CCM.02	15	3.33	85	417	K. khích
415	K145520103394	Trịnh Công	Hoan	K50CCM.05	15	3.13	74	423	K. khích
416	K145520103345	Trịnh Văn	Hảo	K50CCM.05	15	3.80	73,5	403	K. khích
417	K145520309013	Lý Văn	Đồng	K50CVL.01	12	4.00	70	390	K. khích
418	K145520309039	Dương Thị	Hà	K50CVL.01	12	4.00	70	413	K. khích
419	K145520309036	Dương Văn	Hung	K50CVL.01	14	3.86	70	407	K. khích
420	K145520309001	Vũ Tuấn	Kiệt	K50CVL.01	14	4.00	70	393	K. khích
421	K155520103099	Ngô Mạnh	Hùng	K51CCM.02	19	2.84	70	397	K. khích

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Lớp	TCD	DTB	ĐRL	NN	Mức HB
422	K165520103007	Triệu Quốc	Cường	K52CCM.01	20	3.15	99		K. khích
423	K165520103205	Phạm Thị	Hà	K52CCM.04	20	2.95	95,5		K. khích
424	K165520103116	Lê Văn	Thủy	K52CCM.02	20	3.05	95		K. khích
425	K155520103109	Nguyễn Khánh	Ly	K51CCM.02	17	2.88	93,5		K. khích
426	K165520103179	Phan Huyền	Thu	K52CCM.03	20	2.80	91		K. khích
427	K145520103009	Phan Văn	Cường	K50CCM.01	12	4.00	90		K. khích
428	K145520103152	Lê Bá	Vũ	K50CCM.02	12	4.00	90	337	K. khích
429	K175520103022	Nguyễn Tiến	Lâm	K53KC.01	22	3.18	90		K. khích
430	K155520103330	Nguyễn Tùng	Lâm	K51CCM.04	15	2.93	89		K. khích
431	K155520103172	Nguyễn Xuân	Huy	K51CCM.03	15	3.07	86,5		K. khích
432	K175520103195	Bùi Văn	Mạnh	K53KC.03	21	2.81	86		K. khích
433	K145520103011	Nguyễn Đình	Dương	K50CCM.01	12	3.42	85		K. khích
434	K155520103207	Hoàng Thanh	Tùng	K51CCM.03	17	3.53	85		K. khích
435	K155520103332	Phạm Duy	Linh	K51CCM.04	15	3.47	85		K. khích
436	K165520103115	Đoàn Thị	Tho	K52CCM.02	20	3.00	85		K. khích
437	K145520103385	Lê Văn	Trường	K50CCM.05	10	3.00	84,5		K. khích
438	K165520103147	Trịnh Bá	Hiếu	K52CCM.03	16	2.81	83		K. khích
439	K145520103407	Bùi Xuân	The	K50CCM.05	11	2.82	82		K. khích
440	K165520103053	Đoàn Văn	Toàn	K52CCM.01	20	2.80	81		K. khích
441	K155520103286	Đỗ Tuấn	Anh	K51CCM.04	21	2.81	80		K. khích
442	K165520103071	Ngô Đức	Cường	K52CCM.02	21	2.95	80		K. khích
443	K175520103117	Trần Trung	Kiên	K53KC.03	19	2.95	80		K. khích
444	K145520103220	Nguyễn Văn	Thanh	K50CCM.03	11	3.64	75		K. khích
445	K145520103103	Ngô Văn	Kiên	K50CCM.02	15	3.80	70		K. khích
446	K145520309014	Nguyễn Công	Đạt	K50CVL.01	12	4.00	70		K. khích
447	K145520309044	Dương Quốc	Cường	K50CVL.01	12	4.00	70		K. khích
448	K145520309031	Nguyễn Ngọc	Long	K50CVL.01	12	4.00	70		K. khích
449	K145520309027	Lê Văn	Phú	K50CVL.01	14	4.00	70		K. khích
450	K145520309037	Hoàng Văn	Xuân	K50CVL.01	14	3.71	70		K. khích
451	K145520103030	Lý Bá Tùng	Lâm	K50CCM.01	14	3.86	90	463	Xuất sắc
452	K145520103145	Dương Thành	Thiện	K50CCM.02	12	3.33	92	527	Giỏi
453	K155520103310	Nông Thị	Tâm	K51CCM.04	18	3.06	90		K. khích
454	K175520201118	Lê Duy	Nam	K53KC.02	22	3.23	83		Giỏi
455	K165520103069	Vũ Xuân	Chung	K52CCM.02	12	3.00	70		K. khích
456	K145520103050	Nguyễn Thanh	Sơn	K50CCM.01	10	3.70	81	450	Giỏi
457	K145520103213	Nông Thắm	Tuấn	K50CCM.03	10	3.40	82	457	Giỏi
458	K145520103256	Đỗ Công	Khánh	K50CCM.04	10	3.70	80	493	Giỏi
459	K145520103005	Hoàng Tuấn	Anh	K50CCM.01	15	3.13	75	447	Khá
460	K145520103160	Nguyễn Đức	Cảnh	K50CCM.03	12	3.42	78		K. khích
461	K145520103199	Nguyễn Văn	Quỳnh	K50CCM.03	14	3.36	74	433	Khá
462	K145520103215	Lê Văn	Tuyên	K50CCM.03	10	3.40	78	377	K. khích
463	K175520103003	Bùi Đức	Chiến	K54KC.01	20	3.00	70	HBTP	K. khích

ấn định danh sách: 463 sinh viên 

DANH SÁCH SINH VIÊN NHẬN TIỀN HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP

HỌC KỲ 1 (2018-2019)

(Kèm theo QĐ số: **86** /QĐ-ĐHKTCN ngày **21** tháng 5 năm 2019)

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Lớp	Mức HB (đ)	Số tháng	Tổng tiền(đ)
1	K145520201027	Nguyễn Trung	Hiếu	K50HTĐ.01	800.000	5	4.000.000
2	K165520201177	Dương Thanh	Quyên	K52KTĐ.02	800.000	5	4.000.000
3	K165520201198	Lương Thị	Xuân	K52KTĐ.02	800.000	5	4.000.000
4	K165520201152	Hoàng Thị	Hạnh	K52KTĐ.01	800.000	5	4.000.000
5	K165520201166	Vũ Thị	Linh	K52KTĐ.01	800.000	5	4.000.000
6	K165520216004	Nguyễn Thị Vân	Anh	K52TĐH.01	800.000	5	4.000.000
7	K155520216058	Nguyễn Thị Thùy	Trang	K51TĐH.01	800.000	5	4.000.000
8	K165520216196	Nguyễn Thị	Hiên	K52TĐH.04	800.000	5	4.000.000
9	K155520216111	Hoàng Thị	Quỳnh	K51TĐH.02	800.000	5	4.000.000
10	K175520201163	Phan Thị Tiên	Hà	K53KTĐ.03	800.000	5	4.000.000
11	K145520201039	Nguyễn Thùy	Linh	K50HTĐ.01	800.000	5	4.000.000
12	K145520201076	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	K50HTĐ.01	800.000	5	4.000.000
13	K165520201039	Dương Văn	Nam	K52KTĐ.02	800.000	5	4.000.000
14	K165520216120	Nguyễn Thị Mai	Anh	K52TĐH.03	800.000	5	4.000.000
15	K175520216103	Đoàn Hồng	Quyên	K53TĐH.02	400.000	5	2.000.000
16	K145520216263	Ngô Ngọc	Thùy	K50TĐH.01	400.000	5	2.000.000
17	K155520216232	Nguyễn Thị	Lụa	K51TĐH.04	400.000	5	2.000.000
18	K175520201079	Nguyễn Thành	Chung	K53KTĐ.02	400.000	5	2.000.000
19	K165520201160	Nguyễn Thị	Hương	K52KTĐ.01	400.000	5	2.000.000
20	K175520216218	Đào Thị Hồng	Nhung	K53TĐH.04	400.000	5	2.000.000
21	K155520201106	Hà Văn	Thành	K51KTĐ.01	400.000	5	2.000.000
22	K155520216099	Nguyễn Văn	Linh	K51TĐH.02	400.000	5	2.000.000
23	K175520201095	Bùi Thị	Hiên	K53KTĐ.02	400.000	5	2.000.000
24	K175520216238	Nguyễn Văn	Tuyến	K53TĐH.04	400.000	5	2.000.000
25	K175520201173	Nguyễn Văn	Hoàng	K53TĐĐ.01	400.000	5	2.000.000
26	K175520201065	Dương Văn	Tú	K53TĐĐ.01	400.000	5	2.000.000
27	K175520216022	Vũ Thị Lan	Hương	K53TĐH.01	400.000	5	2.000.000
28	K155520216287	Lê Văn	Long	K51TĐH.03	400.000	5	2.000.000
29	K155520201204	Trần Mạnh	Hùng	K51KTĐ.02	400.000	5	2.000.000
30	K175520216230	Dương Thị	Thúy	K53TĐH.04	400.000	5	2.000.000
31	K155520216165	Phan Thị	Linh	K51TĐH.03	400.000	5	2.000.000
32	K155520201047	Nguyễn Đức	Thiện	K51KTĐ.01	400.000	5	2.000.000
33	K155520201118	Dương Anh	Tuấn	K51KTĐ.01	400.000	5	2.000.000
34	K145520201024	Phạm Thái	Hạnh	K50HTĐ.01	400.000	5	2.000.000
35	K145520216227	Hoàng Thị Ngọc	ánh	K50HTĐ.01	400.000	5	2.000.000
36	K155520216149	Đào Sỹ	Dương	K51TĐH.03	400.000	5	2.000.000
37	K155520201078	Đặng Thị	Hiên	K51KTĐ.01	400.000	5	2.000.000
38	K165520201100	Đào Thị Kim	Liên	K52KTĐ.02	400.000	5	2.000.000
39	K155520201075	Nguyễn Thị	Duyên	K51KTĐ.01	400.000	5	2.000.000
40	K165520201186	Nguyễn Thị	Thúy	K52KTĐ.02	400.000	5	2.000.000
41	K155520201085	Trịnh Thanh	Hùng	K51KTĐ.01	400.000	5	2.000.000
42	K145520201183	Phạm Thị Ngân	Hà	K50HTĐ.01	400.000	5	2.000.000
43	K165520216177	Lâm Bùi Minh	Anh	K52TĐH.04	400.000	5	2.000.000
44	K165520201122	Hoàng Thị Thu	Trang	K52KTĐ.02	400.000	5	2.000.000
45	K175520216088	Nguyễn Thị	Lan	K53TĐH.02	400.000	5	2.000.000
46	K155520216267	Hoàng Văn	Bách	K51TĐH.01	400.000	5	2.000.000
47	K155520216002	Hoàng Thị	Anh	K51TĐH.01	400.000	5	2.000.000

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Lớp	Mức HB (đ)	Số tháng	Tổng tiền(đ)
48	K175520216020	Nguyễn Quang	Hợp	K53TĐH.01	400.000	5	2.000.000
49	K155520201087	Ngô Văn	Huy	K51HTĐ.01	200.000	5	1.000.000
50	K165520216234	Thân Đức	Việt	K52TĐH.04	200.000	5	1.000.000
51	K155520201169	Nguyễn Thị	Thu	K51HTĐ.01	200.000	5	1.000.000
52	K155520216239	Tạ Văn	Nhất	K51TĐH.04	200.000	5	1.000.000
53	K145520201190	Đỗ Đức	Hiếu	K50KTĐ.01	200.000	5	1.000.000
54	K155520216018	Nguyễn Đức	Giang	K51TĐH.01	200.000	5	1.000.000
55	K155520201163	Nguyễn Hồng	Sơn	K51HTĐ.01	200.000	5	1.000.000
56	K155520201060	Nguyễn Trọng	Tuyên	K51HTĐ.01	200.000	5	1.000.000
57	K155520201145	Lê Văn	Hưng	K51HTĐ.01	200.000	5	1.000.000
58	K155520201153	Dương Thanh	Minh	K51HTĐ.01	200.000	5	1.000.000
59	K145520216242	Nguyễn Khánh	Hòa	K50TĐH.01	200.000	5	1.000.000
60	K165520216182	Trần Xuân	Bảo	K52TĐH.04	200.000	5	1.000.000
61	K155520201113	Nguyễn Văn	Triều	K51KTĐ.01	200.000	5	1.000.000
62	K145520216126	Dương Minh	Thảo	K50TĐH.02	200.000	5	1.000.000
63	K155520216229	Đào Tùng	Lâm	K51TĐH.04	200.000	5	1.000.000
64	K155520201049	Nguyễn Đăng	Thức	K51KTĐ.01	200.000	5	1.000.000
65	K165520216072	Phan Văn	Duy	K52TĐH.02	200.000	5	1.000.000
66	K155510601005	Ma Thị	Hằng	K51TĐH.04	200.000	5	1.000.000
67	K145520201116	Nguyễn Trung	Kiên	K50HTĐ.01	200.000	5	1.000.000
68	K165520216191	Nguyễn Văn	Đạt	K52TĐH.04	200.000	5	1.000.000
69	K165520216070	Nguyễn Tiến	Dũng	K52TĐH.02	200.000	5	1.000.000
70	K165520201197	Lê Văn	Vũ	K52KTĐ.02	200.000	5	1.000.000
71	K155520201116	Nguyễn Xuân	Trường	K51HTĐ.01	200.000	5	1.000.000
72	K165520201180	Đặng Văn	Tân	K52KTĐ.02	200.000	5	1.000.000
73	K155520216157	Đồng Minh	Hội	K51TĐH.03	200.000	5	1.000.000
74	K145520201113	Lê Văn	Huân	K50HTĐ.01	200.000	5	1.000.000
75	K155520216304	Hồ Thị	Huệ	K51TĐH.02	200.000	5	1.000.000
76	K145520201184	Nguyễn Thu	Hà	K50HTĐ.01	200.000	5	1.000.000
77	K155520201111	Nguyễn Thị	Toan	K51KTĐ.01	200.000	5	1.000.000
78	K155520201125	Đỗ Bảo	Châu	K51KTĐ.02	200.000	5	1.000.000
79	K155520201076	Lý Thị Phương	Hà	K51HTĐ.01	200.000	5	1.000.000
80	K145520201013	Hoàng Văn	Chung	K50HTĐ.01	200.000	5	1.000.000
81	K145520201177	Ngô Việt	Dương	K50HTĐ.01	200.000	5	1.000.000
82	K165520201183	Nguyễn Thị	Thảo	K52KTĐ.02	200.000	5	1.000.000
83	K165520201083	Đàm Thị	Giang	K52KTĐ.02	200.000	5	1.000.000
84	K175520201212	Hoàng Xuân	Tùng	K53TĐH.01	200.000	5	1.000.000
85	K165520201099	Nguyễn Thành	Lâm	K52KTĐ.02	200.000	5	1.000.000
86	K145520201099	Ngô Văn	Giáp	K50HTĐ.01	200.000	5	1.000.000
87	K165520201012	Nguyễn Mậu	Đạo	K52KTĐ.01	200.000	5	1.000.000
88	K155520201146	Hoàng Văn	Hữu	K51HTĐ.01	200.000	5	1.000.000
89	K145520201037	Ngô Thị	Lanh	K50HTĐ.01	200.000	5	1.000.000
90	K165520216080	Vũ Thị	Hiền	K52TĐH.02	200.000	5	1.000.000
91	K165520216216	Phạm Xuân	Phú	K52TĐH.04	200.000	5	1.000.000
92	K165520216151	Nguyễn Hải	Long	K52TĐH.03	200.000	5	1.000.000
93	K145520201093	La Đức	Cường	K50HTĐ.01	200.000	5	1.000.000
94	K155520216276	Ngô Hồng	Dung	K51TĐH.02	200.000	5	1.000.000
95	K165520201058	Lưu Minh	Tú	K52KTĐ.01	200.000	5	1.000.000
96	K155520201166	Ma Xuân	Thành	K51HTĐ.01	200.000	5	1.000.000
97	K165520216224	Bùi Kim	Thị	K52TĐH.04	200.000	5	1.000.000
98	K155520201232	Nguyễn Thu	Trang	K51HTĐ.01	200.000	5	1.000.000
99	K155520201123	Phùng Thế	Anh	K51HTĐ.01	200.000	5	1.000.000
100	K155520216214	Lâm Bá	Dũng	K51TĐH.04	200.000	5	1.000.000

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Lớp	Mức HB (đ)	Số tháng	Tổng tiền(đ)
101	K165520216116	Nguyễn Mạnh	Tùng	K52TĐH.02	200.000	5	1.000.000
102	K155520216007	Lưu Đức	Cường	K51TĐH.01	200.000	5	1.000.000
103	K165520201064	Lưu Thị	Tuyến	K52KTĐ.01	200.000	5	1.000.000
104	K145520216095	Phạm Văn	Hòa	K50TĐH.02	200.000	5	1.000.000
105	K155520216273	Lường Thị	Định	K51TĐH.01	200.000	5	1.000.000
106	K165520201107	Ngọc Thị	Nụ	K52KTĐ.02	200.000	5	1.000.000
107	K165520216254	Trần Thị Thúy	An	K52TĐH.01	200.000	5	1.000.000
108	K155520201025	Trần Duy	Hưng	K51KTĐ.01	200.000	5	1.000.000
109	K145520201187	Giáp Mỹ	Hạnh	K50HTĐ.01	200.000	5	1.000.000
110	K165520201192	Vũ Văn	Tuấn	K52KTĐ.02	200.000	5	1.000.000
111	K165520201154	Hoàng Trung	Hiếu	K52KTĐ.01	200.000	5	1.000.000
112	K145520201181	Đặng Thị Hà	Giang	K50HTĐ.01	200.000	5	1.000.000
113	K165520216129	Đặng Trung	Dũng	K52TĐH.03	200.000	5	1.000.000
114	K165520216124	Nguyễn Thị	Bằng	K52TĐH.03	200.000	5	1.000.000
115	K165520201124	Hoàng Văn	Tú	K52KTĐ.02	200.000	5	1.000.000
116	K145520216034	Trần Đức	Long	K50TĐH.01	200.000	5	1.000.000
117	K155520201098	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	K51KTĐ.01	200.000	5	1.000.000
118	K165520216035	Lê út	Ly	K52TĐH.01	200.000	5	1.000.000
119	K165520216235	Nguyễn Thế	Đạt	K52TĐH.01	200.000	5	1.000.000
120	K165520216086	Nguyễn Thị Thu	Hương	K52TĐH.02	200.000	5	1.000.000
121	K165520216230	Vũ Ngọc	Tuấn	K52TĐH.04	200.000	5	1.000.000
122	K155520201197	Lê Thị Hồng	Hạnh	K51HTĐ.01	200.000	5	1.000.000
123	K155520216204	Nguyễn Thùy	Bích	K51TĐH.04	200.000	5	1.000.000
124	K165520216058	Dương Thị Thanh	Vân	K52TĐH.01	200.000	5	1.000.000
125	K175520216267	Phạm An	Khang	K53TĐH.04	400.000	5	2.000.000
126	K165520216011	Mai Thị Mỹ	Dinh	K52TĐH.01	200.000	5	1.000.000
127	K155520201092	Trần Thị	Mai	K51KTĐ.01	200.000	5	1.000.000
128	K165520216114	Nguyễn Hà	Tuấn	K52TĐH.02	200.000	5	1.000.000
129	K165520216132	Nguyễn Ngọc	Đạt	K52TĐH.03	200.000	5	1.000.000
130	K165520216083	Đào Văn	Hoàng	K52TĐH.02	200.000	5	1.000.000
131	K155520216023	Trần Trọng	Hiếu	K51TĐH.01	200.000	5	1.000.000
132	K165520216077	Trần Thị Thu	Hà	K52TĐH.02	200.000	5	1.000.000
133	K165520216173	Nguyễn Anh	Tuấn	K52TĐH.03	200.000	5	1.000.000
134	K155520216056	Nguyễn Thị	Thùy	K51TĐH.01	200.000	5	1.000.000
135	K165520216030	Dương Thị Thanh	Huyền	K52TĐH.01	200.000	5	1.000.000
136	K165520216159	Nguyễn Thị Như	Phương	K52TĐH.03	200.000	5	1.000.000
137	K165520216161	Bạch Thị	Quỳnh	K52TĐH.03	200.000	5	1.000.000
138	K165520216225	Dương Ngọc	Thúy	K52TĐH.04	200.000	5	1.000.000
139	K165520216226	Chu Thị	Thủy	K52TĐH.04	200.000	5	1.000.000
140	K165520201191	Dương Thế	Tư	K52TĐH.02	200.000	5	1.000.000
141	K155520201175	Nguyễn Hữu	Trường	K51HTĐ.01	200.000	5	1.000.000
142	K165520216158	Nguyễn Hà	Phòng	K52TĐH.03	200.000	5	1.000.000
143	K165520216044	Lão Văn	Son	K52TĐH.01	200.000	5	1.000.000
144	K175520216009	Trần Thị	Dung	K53TĐH.01	200.000	5	1.000.000
145	K165520216025	Vũ Văn	Học	K52TĐH.01	200.000	5	1.000.000
146	K145520201163	Lăng Quang	Vũ	K50KTĐ.02	200.000	5	1.000.000
147	K145520201170	Lê Xuân	An	K50KTĐ.02	200.000	5	1.000.000
148	K165520201082	Lê Văn	Đức	K52KTĐ.02	1.200.000	5	6.000.000
149	K155520201109	Nguyễn Mai	Thời	K51KTĐ.01	1.200.000	5	6.000.000
150	K145520201233	Lý Thị	Thái	K50HTĐ.01	1.200.000	5	6.000.000
151	K165520201084	Nguyễn Thu	Hà	K52KTĐ.02	1.200.000	5	6.000.000
152	K185520216267	Ngô Văn	Quân	K54DKT.05	800.000	5	4.000.000
153	K185520216348	Đồng Thị	Chinh	K54DKT.07	800.000	5	4.000.000

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Lớp	Mức HB (đ)	Số tháng	Tổng tiền(đ)
154	K185520216157	Nguyễn Phú	Thái	K54ĐKT.03	800.000	5	4.000.000
155	K185520216198	Đàm Hải	Long	K54ĐKT.04	800.000	5	4.000.000
156	K185520216306	Tô Việt	Hoàng	K54ĐKT.03	800.000	5	4.000.000
157	K185520216424	Phạm Long	Vũ	K54ĐKT.01	800.000	5	4.000.000
158	K185520216099	Lê Văn	Song	K54ĐKT.02	800.000	5	4.000.000
159	K185520216010	Dương Minh	Đức	K54ĐKT.01	800.000	5	4.000.000
160	K185520216107	Nguyễn Hoàng	Trung	K54ĐKT.02	800.000	5	4.000.000
161	K185520216160	Hoàng Văn	Thiện	K54ĐKT.03	800.000	5	4.000.000
162	K185520201155	Vũ Minh	Tiến	K54ĐKT.03	800.000	5	4.000.000
163	K185520216188	Vũ Xuân	Hòa	K54ĐKT.04	800.000	5	4.000.000
164	K185520216226	Đinh Thị ánh	Tuyết	K54ĐKT.04	800.000	5	4.000.000
165	K185520216082	Dương Văn	Khánh	K54ĐKT.02	800.000	5	4.000.000
166	K185520216313	Hoàng Thị	Kim	K54ĐKT.06	800.000	5	4.000.000
167	K185520216305	Nông Thị	Hoài	K54ĐKT.06	800.000	5	4.000.000
168	K185520216164	Chu Đức	Trung	K54ĐKT.03	800.000	5	4.000.000
169	K185520201061	Lê Minh	Tiến	K54ĐKT.02	400.000	5	2.000.000
170	K185520201021	Nguyễn Thế	Minh	K54ĐKT.01	400.000	5	2.000.000
171	K185520216175	Nguyễn Công	Bru	K54ĐKT.04	400.000	5	2.000.000
172	K185520201174	Phạm Thị	Châm	K54ĐKT.02	400.000	5	2.000.000
173	K185520201135	Ngô Nhật	Ly	K54ĐKT.02	400.000	5	2.000.000
174	K185520201083	Nguyễn Thị Kiều	Loan	K54ĐKT.03	400.000	5	2.000.000
175	K185520216124	Trần Văn	Đức	K54ĐKT.03	1.200.000	5	6.000.000
176	K185520201055	Bùi Minh	Nhật	K54ĐKT.02	1.200.000	5	6.000.000
177	K185520216161	Đặng Đình	Thông	K54ĐKT.03	1.200.000	5	6.000.000
178	K185520216259	Nguyễn Thị	Mai	K54ĐKT.05	1.200.000	5	6.000.000
179	K145520207154	Lê Thị	Hòa	K50ĐVT.01	800.000	5	4.000.000
180	K165520114111	Nguyễn Đình	Lĩnh	K52CĐT.02	800.000	5	4.000.000
181	K165520114002	Lưu Hoàng	Anh	K52CĐT.01	800.000	5	4.000.000
182	K165520114099	Ngô Trọng	Hoàn	K52CĐT.02	800.000	5	4.000.000
183	K165520216040	Nguyễn Thị	Oanh	K52ĐDK.01	800.000	5	4.000.000
184	K165520114141	Nguyễn Văn	Tư	K52CĐT.02	800.000	5	4.000.000
185	K145520207086	Nguyễn Thị	Tâm	K50ĐVT.01	800.000	5	4.000.000
186	K155520114025	Nguyễn Thu	Huyền	K51CĐT.01	800.000	5	4.000.000
187	K155520114119	Lưu Thị	Thắng	K51CĐT.02	800.000	5	4.000.000
188	K145520216175	Trần Hoài	Phương	K50ĐDK.01	400.000	5	2.000.000
189	K165520114095	Nguyễn Trung	Hiếu	K52CĐT.02	400.000	5	2.000.000
190	K155520114017	Phạm Văn	Hiệu	K51CĐT.01	400.000	5	2.000.000
191	K175520114217	Long Thị	Nghĩa	K53CĐT.01	400.000	5	2.000.000
192	K155520114067	Trần Đức	Viên	K51CĐT.01	400.000	5	2.000.000
193	K175520114185	Phạm Văn	Thi	K53CĐT.03	400.000	5	2.000.000
194	K175520114022	Nguyễn Anh	Hùng	K53CĐT.01	400.000	5	2.000.000
195	K145520207025	Lê Khánh	Ly	K50ĐVT.01	400.000	5	2.000.000
196	K175520114101	Dương Hải	Nam	K53CĐT.02	400.000	5	2.000.000
197	K155520207128	Trần Văn	Hóa	K51KĐT.01	400.000	5	2.000.000
198	K155520114101	Lưu Văn	Lợi	K51CĐT.02	400.000	5	2.000.000
199	K175520114112	Trương Ngọc	Sơn	K53CĐT.02	400.000	5	2.000.000
200	K155520114097	Nguyễn Thị	Kim	K51CĐT.02	400.000	5	2.000.000
201	K175520114018	Lê Huy	Hoàng	K53CĐT.01	400.000	5	2.000.000
202	K175520216081	Nguyễn Thị	Huế	K53ĐDK.01	400.000	5	2.000.000
203	K175520114033	Phan Công	Minh	K53CĐT.01	400.000	5	2.000.000
204	K155520114087	Nguyễn Huy	Hoàng	K51CĐT.02	400.000	5	2.000.000
205	K155520114109	Lê Văn	Quang	K51CĐT.02	400.000	5	2.000.000
206	K175520114067	Nguyễn Hoàng	Việt	K53CĐT.01	400.000	5	2.000.000

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Lớp	Mức HB (đ)	Số tháng	Tổng tiền(đ)
207	K155520114074	Phạm Văn	Cường	K51CĐT.02	400.000	5	2.000.000
208	K145520207047	Nguyễn Thị	Thu	K50ĐVT.01	400.000	5	2.000.000
209	K175520114077	Nguyễn Thị	Doan	K53CĐT.02	400.000	5	2.000.000
210	K155520207077	Dương Thị	Hiền	K51KĐT.01	400.000	5	2.000.000
211	K165520114123	Võ Thị ánh	Quỳnh	K52CĐT.02	400.000	5	2.000.000
212	K155520216187	Vũ Đình	Thông	K51ĐĐK.01	400.000	5	2.000.000
213	K175520207032	Nguyễn Thị	Uyên	K53KĐT.01	400.000	5	2.000.000
214	K175520207026	Hoàng Thị	Thùy	K53ĐVT.01	400.000	5	2.000.000
215	K175520114105	Bằng Văn	Phong	K53CĐT.02	400.000	5	2.000.000
216	K155520114011	Trần Văn	Đức	K51CĐT.01	200.000	5	1.000.000
217	K175520114013	Nguyễn Đại	Dương	K53CĐT.01	200.000	5	1.000.000
218	K155520216128	Hoàng Ngọc	Tuấn	K51ĐĐK.01	200.000	5	1.000.000
219	K145520114087	Lê Thế	Hiệp	K50CĐT.02	200.000	5	1.000.000
220	K155520114056	Hà Văn	Trọng	K51CĐT.01	200.000	5	1.000.000
221	K165520114028	Đinh Quốc	Hung	K52CĐT.01	200.000	5	1.000.000
222	K155520114064	Lê Thanh	Tùng	K51CĐT.01	200.000	5	1.000.000
223	K145520207091	Vũ Xuân	Tuân	K50ĐVT.01	200.000	5	1.000.000
224	K155520114023	Lưu Văn	Huy	K51CĐT.01	200.000	5	1.000.000
225	K155520216030	Nguyễn Văn	Kiên	K51ĐĐK.01	200.000	5	1.000.000
226	K155520216301	Nguyễn Phúc	Vinh	K51ĐĐK.01	200.000	5	1.000.000
227	K155520216140	Ngô Việt	Cường	K51ĐĐK.01	200.000	5	1.000.000
228	K155520216108	Hà Thị Hồng	Nhung	K51ĐĐK.01	200.000	5	1.000.000
229	K155520114024	Trần Quang	Huy	K51CĐT.01	200.000	5	1.000.000
230	K155520216202	Trần Thị Phương	Anh	K51ĐĐK.01	200.000	5	1.000.000
231	K145520207141	Đoàn Ngọc	Anh	K50ĐVT.01	200.000	5	1.000.000
232	K155520216048	Đoàn Thành	Tâm	K51ĐĐK.01	200.000	5	1.000.000
233	K145520114053	Nguyễn Văn	Túc	K50CĐT.01	200.000	5	1.000.000
234	K155520114026	Dương Văn	Khanh	K51CĐT.01	200.000	5	1.000.000
235	K155520207052	Hà Tiến	Trường	K51KĐT.01	200.000	5	1.000.000
236	K145520216219	Nguyễn Văn	Tiến	K50ĐĐK.01	200.000	5	1.000.000
237	K165520207031	Hoàng Thị Lệ	Thủy	K52KĐT.01	200.000	5	1.000.000
238	K145520207168	Nguyễn Đình	Quang	K50ĐVT.01	200.000	5	1.000.000
239	K155520216205	Hà Việt	Cường	K51ĐĐK.01	200.000	5	1.000.000
240	K165520207006	Nguyễn Dương Minh	Cường	K52KĐT.01	200.000	5	1.000.000
241	K145520207036	Hoàng Văn	Tiến	K50ĐVT.01	200.000	5	1.000.000
242	K145520207072	Lưu Quang	Huy	K50ĐVT.01	400.000	5	2.000.000
243	K165520114068	Nguyễn Văn	Tuấn	K52CĐT.01	200.000	5	1.000.000
244	K165520207044	Nguyễn Thùy	Trang	K52KĐT.01	200.000	5	1.000.000
245	K155520214012	Phạm Thị	Yến	K51KMT.01	200.000	5	1.000.000
246	K155520114078	Lưu Phương	Đông	K51CĐT.02	200.000	5	1.000.000
247	K165520207021	Hoàng Thị Kim	Oanh	K52KĐT.01	200.000	5	1.000.000
248	K155520216246	Phạm Đức	Tài	K51ĐĐK.01	200.000	5	1.000.000
249	K175520207036	Nguyễn Thị	Phương	K53KĐT.01	200.000	5	1.000.000
250	K155520114126	Nguyễn Quang	Trường	K51CĐT.02	200.000	5	1.000.000
251	K155520114081	Phạm Tiến	Dũng	K51CĐT.02	200.000	5	1.000.000
252	K155520114127	Trần Văn	Trường	K51CĐT.02	200.000	5	1.000.000
253	K155520114086	Lý Văn	Hòa	K51CĐT.02	200.000	5	1.000.000
254	K155520114132	Lê Nguyễn	Tùng	K51CĐT.02	200.000	5	1.000.000
255	K145520207035	Đặng Văn	Tùng	K50ĐVT.01	200.000	5	1.000.000
256	K145520207033	Dương Thị Minh	Tâm	K50KĐT.01	200.000	5	1.000.000
257	K165520114117	Nguyễn Văn	Nhân	K52CĐT.02	800.000	5	4.000.000
258	K175520114205	Nguyễn Trung	Kiên	K53CĐT.01	200.000	5	1.000.000
259	K145520207007	Lê Đức	Duy	K50ĐVT.01	800.000	5	4.000.000

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Lớp	Mức HB (đ)	Số tháng	Tổng tiền(đ)
260	K165520114032	Vũ Quốc	Khánh	K52CĐT.01	200.000	5	1.000.000
261	K155520114116	Hồ Văn	Tâm	K51CĐT.02	200.000	5	1.000.000
262	K155520216098	Vì Văn	Lâm	K51ĐĐK.01	200.000	5	1.000.000
263	K145520207073	Quàng Văn	Kháng	K50ĐVT.01	200.000	5	1.000.000
264	K145520216065	Trần Đức	Trung	K50ĐĐK.01	200.000	5	1.000.000
265	K155520114096	Ngô Trung	Kiên	K51CĐT.02	200.000	5	1.000.000
266	K175520216142	Lưu Tuyết	Hương	K53ĐĐK.01	200.000	5	1.000.000
267	K165520114075	Nguyễn Văn	Vượng	K52CĐT.01	200.000	5	1.000.000
268	K165520216008	Lưu Thị	Bình	K52ĐĐK.01	200.000	5	1.000.000
269	K165520114049	Nguyễn Tiến	Sang	K52CĐT.01	200.000	5	1.000.000
270	K165520114063	Nguyễn Văn	Toàn	K52CĐT.01	200.000	5	1.000.000
271	K155520114020	Dương Bá	Hùng	K51CĐT.01	200.000	5	1.000.000
272	K155520214007	Vương Trung	Kiên	K51KMT.01	200.000	5	1.000.000
273	K165520114223	Trần Minh	Vũ	K52CĐT.03	200.000	5	1.000.000
274	K165520114134	Lâm Văn	Thiện	K52CĐT.02	200.000	5	1.000.000
275	K155520207053	Mai Ngọc	Tú	K51KĐT.01	200.000	5	1.000.000
276	K165520114017	Hoàng Xuân	Đức	K52CĐT.01	200.000	5	1.000.000
277	K155520214011	Nguyễn Đình	Thị	K51KMT.01	200.000	5	1.000.000
278	K175520114206	Vũ Văn	Sỹ	K53CĐT.01	200.000	5	1.000.000
279	K165520114115	Nguyễn Phương	Nam	K52CĐT.02	200.000	5	1.000.000
280	K175520207035	Nguyễn Thị	Xoan	K53KĐT.01	200.000	5	1.000.000
281	K165520214003	Trần Bá	Được	K52KMT.01	200.000	5	1.000.000
282	K155520207031	Vũ Hoàng	Long	K51KĐT.01	200.000	5	1.000.000
283	K145520216197	Trương Thị Thanh	Trà	K50ĐĐK.01	1.200.000	5	6.000.000
284	K145520216222	Trịnh Thị Minh	Thảo	K50ĐĐK.01	1.200.000	5	6.000.000
285	K165520114137	Vũ Văn	Tiến	K52CĐT.02	1.200.000	5	6.000.000
286	K145520216107	Đỗ Thị	Nguyệt	K50ĐĐK.01	1.200.000	5	6.000.000
287	K145520216153	Nguyễn Thị	Hạnh	K50ĐĐK.01	1.200.000	5	6.000.000
288	K175510604006	Nguyễn Thị	Ngọc	K53KTN.01	800.000	5	4.000.000
289	K175510601002	Dương Thị	Hoa	K53QLC.01	400.000	5	2.000.000
290	K175510601009	Triệu Phương	Thúy	K53QLC.01	400.000	5	2.000.000
291	K175510604005	Hoàng Thị	Ngọc	K53KTN.01	400.000	5	2.000.000
292	K175510604013	Ma Thị Hạ	Mai	K53KTN.01	400.000	5	2.000.000
293	K175510601005	Dương Thị	Lan	K53QLC.01	400.000	5	2.000.000
294	K175510601007	Dương Thị	Thêu	K53QLC.01	400.000	5	2.000.000
295	K155510604018	Ngô Thị Kim	Loan	K51KTN.01	200.000	5	1.000.000
296	K155510604029	Đỗ Thị Thanh	Thủy	K51KTN.01	200.000	5	1.000.000
297	K155510604033	Đào Minh	Tuyết	K51KTN.01	200.000	5	1.000.000
298	K185510604009	Phạm Nhật	Linh	K54KTN.01	400.000	5	2.000.000
299	K175510601004	Lưu Thị	Kim	K53QLC.01	200.000	5	1.000.000
300	K185510205066	Nguyễn Văn	Tài	KTO.02	400.000	5	2.000.000
301	K185510205038	Trần Duy	Mạnh	KTO.01	400.000	5	2.000.000
302	K185510205073	Bùi Quang	ánh	KTO.02	400.000	5	2.000.000
303	K185520116041	Lại Thế	Mạnh	K54CĐL.01	400.000	5	2.000.000
304	K185510205132	Phạm Thị	Loan	KTO.03	400.000	5	2.000.000
305	K175510205046	Phạm Ngọc	Tiến	KTO.01	200.000	5	1.000.000
306	K155510205033	Lê Đức	Long	KTO.01	200.000	5	1.000.000
307	K165510205033	Đỗ Thành	Long	KTO.01	200.000	5	1.000.000
308	K165510205029	Nguyễn Hữu	Khanh	KTO.01	200.000	5	1.000.000
309	K165510205035	Mai Văn	Lực	KTO.01	200.000	5	1.000.000
310	K165510205050	Phạm Văn	Quang	KTO.01	200.000	5	1.000.000
311	K145520103048	Nguyễn Văn	Sâm	K50CĐL.01	200.000	5	1.000.000
312	K145520103068	Phạm Như	Thị	K50CĐL.01	200.000	5	1.000.000

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Lớp	Mức HB (đ)	Số tháng	Tổng tiền(đ)
313	K145520103329	Hồ Văn	Tiến	K50CDL.01	200.000	5	1.000.000
314	K155510205044	Bùi Hải	Sơn	KTO.01	200.000	5	1.000.000
315	K175510205020	Nguyễn Công	Hồng	KTO.01	200.000	5	1.000.000
316	K155510205045	Phùng Hồng	Sơn	KTO.01	200.000	5	1.000.000
317	K165510205061	Phùng Đình Minh	Trí	KTO.01	200.000	5	1.000.000
318	K165510205015	Nguyễn Văn	Giang	KTO.01	200.000	5	1.000.000
319	K165510205045	Nguyễn Thiên	Pháp	KTO.01	200.000	5	1.000.000
320	K165510205059	Ngô Minh	Tiến	KTO.01	200.000	5	1.000.000
321	K185480106016	Lê Thúy	Ngà	K54KMT.01	800.000	5	4.000.000
322	K185480106009	Vương Thu	Hoài	K54KMT.01	800.000	5	4.000.000
323	K185480106010	Dương Văn	Huân	K54KMT.01	800.000	5	4.000.000
324	K185520207028	Lâm Thị	Ngân	K54ĐTT.01	400.000	5	2.000.000
325	K185520207027	Nguyễn Thành	Nam	K54ĐTT.01	400.000	5	2.000.000
326	K185520207029	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	K54ĐTT.01	1.200.000	5	6.000.000
327	K185520207044	Nguyễn Thị	Thu	K54ĐTT.01	1.200.000	5	6.000.000
328	K185520114139	Tạ Văn	Ngọc	K54CDT.03	800.000	5	4.000.000
329	K185520114255	Dương Thị	Thảo	K54CDT.04	800.000	5	4.000.000
330	K185520114242	Dương Quang	Minh	K54CDT.02	800.000	5	4.000.000
331	K185520114244	Nguyễn Thị	Quỳnh	K54CDT.02	800.000	5	4.000.000
332	K185520114087	Hứa Văn	Nhật	K54CDT.02	800.000	5	4.000.000
333	K185520114031	Lê Công	Minh	K54CDT.01	800.000	5	4.000.000
334	K185480106004	Trần Thị	Duyên	K54KMT.01	400.000	5	2.000.000
335	K185520114063	Nguyễn Trung	Định	K54CDT.02	400.000	5	2.000.000
336	K185520114239	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	K54CDT.02	400.000	5	2.000.000
337	K185520114033	Lâu A	Nhánh	K54CDT.01	400.000	5	2.000.000
338	K185520114052	Vương Thị Hồng	Vân	K54CDT.01	400.000	5	2.000.000
339	K185520114028	Đổng Ngọc	Long	K54CDT.01	400.000	5	2.000.000
340	K185520114220	Hoàng Thị	Liên	K54CDT.03	400.000	5	2.000.000
341	K185520114027	Ma Duy	Long	K54CDT.01	400.000	5	2.000.000
342	K185220201002	Dương Thị	Hằng	K54NNA.01	400.000	5	2.000.000
343	K155510301034	Nguyễn Thị	Phương	K51CN-ĐĐT.01	800.000	5	4.000.000
344	K145510301043	Nguyễn Hoài	Nam	K52CN-ĐĐT.01	400.000	5	2.000.000
345	K185510301080	Trịnh Tiến	Tài	K54CN-ĐĐT.02	400.000	5	2.000.000
346	K185510301010	Phạm Minh	Hằng	K54CN-ĐĐT.01	400.000	5	2.000.000
347	K165510202015	Ngô Xuân	Mạnh	K52CN-CTM.01	200.000	5	1.000.000
348	K165510301045	Nguyễn Khắc	Tuân	K52CN-ĐĐT.01	200.000	5	1.000.000
349	K165510301032	Lê Bá	Quân	K52CN-ĐĐT.01	200.000	5	1.000.000
350	K155510202018	Nguyễn Việt	Tuấn	K51CN-CTM.01	200.000	5	1.000.000
351	K165510202012	Nguyễn Duy	Kiên	K52CN-CTM.01	200.000	5	1.000.000
352	K165510202013	Nguyễn Văn	Linh	K52CN-CTM.01	200.000	5	1.000.000
353	K155510202004	Trần Đình	Đức	K51CN-CTM.01	200.000	5	1.000.000
354	K165510301040	Nguyễn Văn	Thức	K52CN-ĐĐT.01	200.000	5	1.000.000
355	K165510301025	Nguyễn Thị	Linh	K52CN-ĐĐT.01	200.000	5	1.000.000
356	K165510301044	Nguyễn Tiến	Trung	K52CN-ĐĐT.01	200.000	5	1.000.000
357	K165510301034	Nguyễn Hương	Quỳnh	K52CN-ĐĐT.01	200.000	5	1.000.000
358	K155510202015	Lê Ngọc	Toàn	K51CN-CTM.01	200.000	5	1.000.000
359	K145520320006	Lường Thị	Anh	K50KTM.01	1.200.000	5	6.000.000
360	K145520320023	Hà Thị	Hạnh	K50KTM.01	1.200.000	5	6.000.000
361	K145520320048	Trần Thị	Minh	K50KTM.01	400.000	5	2.000.000
362	K145520320033	Dương Thị	Huế	K50KTM.01	400.000	5	2.000.000
363	K145520320036	Nguyễn Thị	Lâm	K50KTM.01	400.000	5	2.000.000
364	K145520320041	Lưu Thị	Lưu	K50KTM.01	400.000	5	2.000.000
365	K145520320039	Đặng Thị	Linh	K50KTM.01	400.000	5	2.000.000

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Lớp	Mức HB (đ)	Số tháng	Tổng tiền(đ)
366	K145520320100	Hoàng Thị	Mai	K50KTM.01	800.000	5	4.000.000
367	K145520320094	Nguyễn Thị	Hằng	K50KTM.01	800.000	5	4.000.000
368	K175580201008	Hoàng Mai	Hương	K53KXC.01	400.000	5	2.000.000
369	K165580201011	Nguyễn Hồng	Minh	K52KXC.01	200.000	5	1.000.000
370	K155520201031	Nguyễn Thị	Mai	K51CCM.01	800.000	5	4.000.000
371	K155520103298	Trịnh Bá	Hùng	K51CCM.04	800.000	5	4.000.000
372	K145520309015	Bùi Thị	Dung	K50CVL.01	800.000	5	4.000.000
373	K145520309042	Ngô Thị	Giang	K50CVL.01	800.000	5	4.000.000
374	K145520103373	Dương Văn	Sáng	K50CCM.05	800.000	5	4.000.000
375	K155520103083	Đỗ Ngọc	Diệp	K51CCM.02	800.000	5	4.000.000
376	K175520103050	Phạm Đình	Bắc	K53KC.02	800.000	5	4.000.000
377	K175520103046	Lưu Anh	Tuấn	K53KC.01	800.000	5	4.000.000
378	K175520103199	Nguyễn Thanh	Bình	K53KC.02	800.000	5	4.000.000
379	K185520103100	Nguyễn Văn	Hà	K54KC.03	800.000	5	4.000.000
380	K185520103077	Phạm Văn	Quý	K54KC.02	800.000	5	4.000.000
381	K185520103170	Trần Đức	Thao	K54KC.04	800.000	5	4.000.000
382	K155520103029	Nguyễn Thành	Hưng	K51CCM.01	400.000	5	2.000.000
383	K155520103171	Nguyễn Xuân	Hưng	K51CCM.03	400.000	5	2.000.000
384	K145520103352	Nguyễn Đình	Hoàng	K50CCM.05	400.000	5	2.000.000
385	K145520103285	Nguyễn Anh	Tú	K50CCM.04	400.000	5	2.000.000
386	K145520103063	Nguyễn Đăng	Tuyển	K50CCM.01	400.000	5	2.000.000
387	K175520103071	Nguyễn Thị	Linh	K53KC.02	400.000	5	2.000.000
388	K155520103053	Đỗ	Tâm	K51CCM.01	400.000	5	2.000.000
389	K175520103032	Hoàng Quang	Ninh	K53KC.01	400.000	5	2.000.000
390	K145520103074	Nguyễn Tuấn	Việt	K50CCM.01	400.000	5	2.000.000
391	K165520103282	Dương Khánh	Lâm	K52CCM.04	400.000	5	2.000.000
392	K185520103164	Đỗ Văn	Oai	K54KC.04	400.000	5	2.000.000
393	K175520103205	Trần Văn	Quang	K53KC.02	400.000	5	2.000.000
394	K175520103110	Giáp Minh	Hiếu	K53KC.03	400.000	5	2.000.000
395	K185520103141	Cáp Trọng	Đức	K54KC.04	400.000	5	2.000.000
396	K185520103106	Vũ Việt	Hưng	K54KC.03	400.000	5	2.000.000
397	K185520103208	Dương Quang	Linh	K54KC.01	400.000	5	2.000.000
398	K185520103063	Hoàng Quốc	Khánh	K54KC.02	400.000	5	2.000.000
399	K185520103127	Nguyễn Ngọc	Thìn	K54KC.03	400.000	5	2.000.000
400	K145520309007	Lộc Văn	Quỳnh	K50CVL.01	400.000	5	2.000.000
401	K185520103115	Lưu Sỹ	Minh	K54KC.03	400.000	5	2.000.000
402	K185520103154	Nguyễn Trung	Kiên	K54KC.04	400.000	5	2.000.000
403	K145520103051	Đinh Văn	Sơn	K50CCM.01	400.000	5	2.000.000
404	K145520103067	Bùi Việt	Thanh	K50CCM.01	400.000	5	2.000.000
405	K145520103056	Lê Anh	Tú	K50CCM.01	400.000	5	2.000.000
406	K145520103192	Nguyễn Trường	Nam	K50CCM.03	400.000	5	2.000.000
407	K145520103107	Nguyễn Văn	Lâm	K50CCM.02	400.000	5	2.000.000
408	K145520103234	Nguyễn Tiến	Anh	K50CCM.04	400.000	5	2.000.000
409	K145520103123	Ngô Văn	Quang	K50CCM.02	400.000	5	2.000.000
410	K145520309043	Thân Đức	Bình	K50CVL.01	400.000	5	2.000.000
411	K145520103121	Hoàng Minh	Phương	K50CCM.02	200.000	5	1.000.000
412	K145520103204	Phùng Minh	Tâm	K50CCM.03	200.000	5	1.000.000
413	K145520103140	Nguyễn Văn	Thư	K50CCM.02	200.000	5	1.000.000
414	K145520103132	Trần Thanh	Tùng	K50CCM.02	200.000	5	1.000.000
415	K145520103394	Trịnh Công	Hoan	K50CCM.05	200.000	5	1.000.000
416	K145520103345	Trịnh Văn	Hảo	K50CCM.05	200.000	5	1.000.000
417	K145520309013	Lý Văn	Đồng	K50CVL.01	200.000	5	1.000.000
418	K145520309039	Dương Thị	Hà	K50CVL.01	200.000	5	1.000.000
419	K145520309036	Dương Văn	Hưng	K50CVL.01	200.000	5	1.000.000
420	K145520309001	Vũ Tuấn	Kiệt	K50CVL.01	200.000	5	1.000.000
421	K155520103099	Ngô Mạnh	Hùng	K51CCM.02	200.000	5	1.000.000

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Lớp	Mức HB (đ)	Số tháng	Tổng tiền(đ)
422	K165520103007	Triệu Quốc	Cường	K52CCM.01	200.000	5	1.000.000
423	K165520103205	Phạm Thị	Hà	K52CCM.04	200.000	5	1.000.000
424	K165520103116	Lê Văn	Thủy	K52CCM.02	200.000	5	1.000.000
425	K155520103109	Nguyễn Khánh	Ly	K51CCM.02	200.000	5	1.000.000
426	K165520103179	Phan Huyền	Thu	K52CCM.03	200.000	5	1.000.000
427	K145520103009	Phan Văn	Cường	K50CCM.01	200.000	5	1.000.000
428	K145520103152	Lê Bá	Vũ	K50CCM.02	200.000	5	1.000.000
429	K175520103022	Nguyễn Tiến	Lâm	K53KC.01	200.000	5	1.000.000
430	K155520103330	Nguyễn Tùng	Lâm	K51CCM.04	200.000	5	1.000.000
431	K155520103172	Nguyễn Xuân	Huy	K51CCM.03	200.000	5	1.000.000
432	K175520103195	Bùi Văn	Mạnh	K53KC.03	200.000	5	1.000.000
433	K145520103011	Nguyễn Đình	Dương	K50CCM.01	200.000	5	1.000.000
434	K155520103207	Hoàng Thanh	Tùng	K51CCM.03	200.000	5	1.000.000
435	K155520103332	Phạm Duy	Linh	K51CCM.04	200.000	5	1.000.000
436	K165520103115	Đoàn Thị	Tho	K52CCM.02	200.000	5	1.000.000
437	K145520103385	Lê Văn	Trường	K50CCM.05	200.000	5	1.000.000
438	K165520103147	Trịnh Bá	Hiếu	K52CCM.03	200.000	5	1.000.000
439	K145520103407	Bùi Xuân	The	K50CCM.05	200.000	5	1.000.000
440	K165520103053	Đoàn Văn	Toản	K52CCM.01	200.000	5	1.000.000
441	K155520103286	Đỗ Tuấn	Anh	K51CCM.04	200.000	5	1.000.000
442	K165520103071	Ngô Đức	Cường	K52CCM.02	200.000	5	1.000.000
443	K175520103117	Trần Trung	Kiên	K53KC.03	200.000	5	1.000.000
444	K145520103220	Nguyễn Văn	Thanh	K50CCM.03	200.000	5	1.000.000
445	K145520103103	Ngô Văn	Kiên	K50CCM.02	200.000	5	1.000.000
446	K145520309014	Nguyễn Công	Đạt	K50CVL.01	200.000	5	1.000.000
447	K145520309044	Dương Quốc	Cường	K50CVL.01	200.000	5	1.000.000
448	K145520309031	Nguyễn Ngọc	Long	K50CVL.01	200.000	5	1.000.000
449	K145520309027	Lê Văn	Phú	K50CVL.01	200.000	5	1.000.000
450	K145520309037	Hoàng Văn	Xuân	K50CVL.01	200.000	5	1.000.000
451	K145520103030	Lý Bá Tùng	Lâm	K50CCM.01	1.200.000	5	6.000.000
452	K145520103145	Dương Thành	Thiện	K50CCM.02	800.000	5	4.000.000
453	K155520103310	Nông Thị	Tâm	K51CCM.04	200.000	5	1.000.000
454	K175520201118	Lê Duy	Nam	K53KC.02	800.000	5	4.000.000
455	K165520103069	Vũ Xuân	Chung	K52CCM.02	200.000	5	1.000.000
456	K145520103050	Nguyễn Thanh	Sơn	K50CCM.01	800.000	5	4.000.000
457	K145520103213	Nông Thắm	Tuấn	K50CCM.03	800.000	5	4.000.000
458	K145520103256	Đỗ Công	Khánh	K50CCM.04	800.000	5	4.000.000
459	K145520103005	Hoàng Tuấn	Anh	K50CCM.01	400.000	5	2.000.000
460	K145520103160	Nguyễn Đức	Cảnh	K50CCM.03	200.000	5	1.000.000
461	K145520103199	Nguyễn Văn	Quỳnh	K50CCM.03	400.000	5	2.000.000
462	K145520103215	Lê Văn	Tuyên	K50CCM.03	200.000	5	1.000.000
463	K175520103003	Bùi Đức	Chiến	K54KC.01	200.000	5	1.000.000
	Tổng cộng						902.000.000

Bảng chữ: Chín trăm lẻ hai triệu đồng chẵn./

Người lập

PHÒNG KẾ HOẠCH - TÀI CHÍNH

le dan

TS. Đoàn Quang Thiệu



Lê Thị Đỗ Oanh

TS. Đoàn Quang Thiệu

PGS.TS. Nguyễn Duy Cường